

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

VĂN BẢN ĐÓN

Ngày: 04-04-2016

Số: 5698

ADN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

SGO

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Được kiểm toán bởi:

05-04-2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

M.S.D.N

Phát hành

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309802048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba (03) ngày 03/02/2015. Theo đó:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
Tên giao dịch : SAIGON VEGETABLE OIL JOINT STOCK COMPANY (SG OIL JSC)
Trụ sở : Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ tại : 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
thời điểm lập
báo cáo

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn. Địa chỉ: Số 170/2 đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Trong năm 2015, Chi nhánh không phát sinh hoạt động kinh doanh.

SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG-ĐHĐCĐ ngày 26/01/2015 của Công ty đã thông qua phương án **tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng**. Tại thời điểm lập báo cáo này Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung lần thứ 03 ngày 03/02/2015 với mức vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ được Đại hội cổ đông thông qua như sau:

- Đầu tư thêm vào Công ty TNHH Phúc Quang – Hồng Anh: 65.000.000.000 đồng.
- Hợp tác kinh doanh dự án Xây xát lúa và xử lý cám gạo tại Bắc Ninh: 20.000.000.000 đồng.
- Bổ sung thêm vốn lưu động: 15.000.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO

Các thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Bửu Trân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Thiên Thạch	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Trinh	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Thúy Hà	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Ngọc Bửu Trân

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

TM. BAN GIÁM ĐỐC



TRẦN NGỌC BỬU TRẦN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 57/2016/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14/03/2016 và trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quang 3

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý người đọc báo cáo đến vấn đề theo thuyết minh số 03 trang 16 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản chi tạm ứng theo Hợp đồng 01/HĐKT-KTKH/HH-TVS ngày 26/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn và Công ty TNHH Thương mại Xây dựng sản xuất Hoàng Hà về việc: Xây dựng Nhà xưởng và cung cấp lắp đặt bồn chứa cho nhà máy dầu thực vật Sài Gòn tại 170/2 đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long. Thời gian thi công và lắp đặt nghiệm thu là 360 ngày kể từ ngày Bên B - Công ty TNHH Thương mại Xây dựng sản xuất Hoàng Hà nhận được tiền tạm ứng. Đến thời điểm lập báo cáo, thời gian thi công nghiệm thu bàn giao đã quá hạn. Theo Phụ lục hợp đồng số 02-HĐKT-KTQX/HH-TVSG.02, thời gian nghiệm thu bàn giao được hai bên thống nhất gia hạn đến tháng 06 năm 2016 mà không rõ nguyên nhân.

Bên cạnh đó, theo quy định Điều 4 của Hợp đồng trên, mỗi đợt thanh toán phải có Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện. Tuy nhiên Công ty đã thanh toán cho nhà thầu đến 5 đợt tạm ứng nhưng chưa thấy Công ty ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng. Vấn đề trên có liên quan đến việc ghi nhận Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 07 trang 17 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính).

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Trung Kiên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1129 – 2014 – 045 – 1

Lưu Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1026 – 2014 – 045 – 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131.476.091.255	83.450.808.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.980.249.222	3.261.345.933
1. Tiền	111		9.980.249.222	3.261.345.933
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.360.846.798	36.786.967.430
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.849.373.748	6.564.897.319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	25.061.473.050	25.022.070.111
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.450.000.000	5.200.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	28.020.518.062	40.559.753.065
1. Hàng tồn kho	141		28.020.518.062	40.559.753.065
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		114.477.173	2.842.741.755
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.093.133	2.842.357.715
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.6	384.040	384.040
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.683.114.802	34.702.620.826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
I. Tài sản cố định	220		4.569.654.375	4.569.654.375
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	4.569.654.375	4.569.654.375
II. Bất động sản đầu tư	240		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	115.000.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		95.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		113.460.427	132.966.451
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	113.460.427	132.966.451
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		251.159.206.057	118.153.429.009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

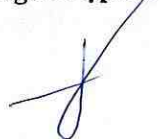
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.179.852.506	5.976.458.715
I. Nợ ngắn hạn	310		24.179.852.506	5.976.458.715
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	20.091.990.713	2.523.977.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	9.318.993	9.318.993
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.436.638.197	3.429.446.270
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	31.365.487	13.715.682
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		610.539.116	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.979.353.551	112.176.970.294
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	226.979.353.551	112.176.970.294
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.831.617.349	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.147.736.202	12.176.970.294
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.734.835.828	12.176.970.294
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.412.900.374	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		251.159.206.057	118.153.429.009

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

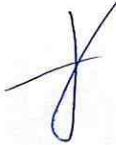
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	383.175.606.582	298.599.081.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.15	383.175.606.582	298.599.081.193
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	367.872.201.564	282.229.942.567
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		15.303.405.018	16.369.138.626
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	4.752.102.495	3.058.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	-	9.036.719
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	9.036.719
8. Chi phí bán hàng	24		368.817.259	74.917.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		442.400.239	375.551.162
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.244.290.015	15.912.692.022
11. Thu nhập khác	31	VI.19	1.357.501	459.716.639
12. Chi phí khác	32	VI.20	390.558.027	729.716.611
13. Lợi nhuận khác	40		(389.200.526)	(269.999.972)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.855.089.489	15.642.692.050
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.21	3.364.012.113	3.431.909.179
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		-	-
17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.491.077.376	12.210.782.871
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.14	845	10.561

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

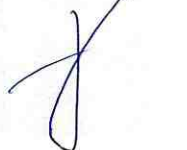
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	375.210.793.306	322.397.150.163
2. Chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(374.045.627.056)	(379.886.060.109)
3. Chi trả cho người lao động	03	(136.539.000)	(158.382.000)
4. Chi trả lãi vay	04	-	(9.036.719)
5. Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.434.997.188)	-
6. Thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.741.597.100	11.548.667
7. Chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.116.323.873)	(5.239.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.781.096.711)	(62.884.279.998)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(85.000.000.000)	(30.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	500.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(84.500.000.000)	(30.000.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	100.000.000.000	99.000.000.000
4. Chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.103.911.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	100.000.000.000	95.896.088.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.718.903.289	3.011.808.802
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.261.345.933	249.537.131
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.980.249.222	3.261.345.933

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trần

8

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309802048, thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2015, vốn điều lệ của Công ty là:

200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng).

2- Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dầu thực vật.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.

4- Công ty liên kết

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
--	-----------------	---------------------------

Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	47,5%	47,5%
------------------------------------	-------	-------

Địa chỉ: Số 47 C3, tập thể Đại học Bách Khoa,
P.Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Đăng ký kinh doanh số 0101025402 do
Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà
Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày
11/03/2015.

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (ký hiệu là "VND").

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Chuẩn mực kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001; Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002; Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003; Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2015 không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào cần phải được trích lập dự phòng.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không có khoản công nợ nào cần phải được trích lập dự phòng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|---------------------|
| - Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không tính khấu hao |

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con hoặc công ty liên kết và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng} = \frac{\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}{\text{Vốn chủ sở hữu thực có}} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp của các bên tại tổ chức}}$$

Theo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty liên kết - Phúc Anh - Hồng Quang có lãi, do đó Công ty không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí thuê kho và máy phát điện.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn là công cụ, dụng cụ xuất dùng vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm. Đối với chi phí thuê kho cảng, máy phát điện được phân bổ theo thời gian thực tế đi thuê (15 năm).

7- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo chia cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính:

- Chi phí đi vay vốn, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính kế toán: Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt (VND)	9.937.138.555	3.237.042.445
Tiền gửi ngân hàng (VND)	43.110.667	24.303.488
Cộng:	9.980.249.222	3.261.345.933
2- Phải thu khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu khách hàng bên liên quan		
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	16.156.427.727	6.564.897.319
b) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty SXKD Tổng hợp Thanh Hóa	3.993.456.176	-
Công ty CP XNK Bao bì nhựa	32.699.489.845	-
Cộng:	52.849.373.748	6.564.897.319
3- Trả trước cho người bán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu thực vật Việt Nam	-	3.671.761
Công ty CP Trích ly dầu thực vật	60.066.650	18.398.350
Công ty TNHH TM và SX Hoàng Hà (*)	25.000.000.000	25.000.000.000
Đối tượng khác	1.406.400	-
Cộng:	25.061.473.050	25.018.398.350
(*) Là khoản tạm ứng đến 84% giá trị Hợp đồng xây lắp 01/HĐKT-KTKH/HH-TVSG ngày 26/08/2014 về việc xây dựng Nhà xưởng và cung cấp lắp đặt bồn chứa cho nhà máy dầu thực vật Sài Gòn tại 170/2 đường Phạm Hùng, P.9, thành phố Vĩnh Long.		
4- Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng (*)	11.200.000.000	5.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.250.000.000	-
Cộng:	15.450.000.000	5.200.000.000

(*) Ông Lê Thiên Thạch - thành viên HĐQT tạm ứng để đặt cọc mua máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy dầu thực vật tại Vĩnh Long.

5- Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công cụ, dụng cụ		3.000.000		3.000.000
Hàng hóa		28.017.518.062		40.556.753.065
Cộng:		28.020.518.062		40.559.753.065

6- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Thuế thu nhập cá nhân		384.040		384.040
Cộng:		384.040		384.040

7- Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Xây dựng kho chứa dầu TV cảng Vĩnh Long		4.569.654.375		4.569.654.375
Cộng:		4.569.654.375		4.569.654.375

8- Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh (*)	95.000.000.000	0	30.000.000.000	0
Dự án xay xát lúa và xử lý cám gạo tại Bắc Ninh (**)	20.000.000.000	0	0	0
Cộng:	115.000.000.000	0	30.000.000.000	0

(*) Là khoản góp vốn theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG/BB-ĐHCĐ ngày 26/01/2015. Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Phúc Quang - Hồng Anh là 47,5%. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty Phúc Quang có lãi, do đó Công ty không trích lập dự phòng đầu tư.

(**) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư cùng Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG/BB-ĐHCĐ ngày 26/01/2015. Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.2015/HĐHT/PQ-TVSG ngày 28/01/2015, thời hạn hợp tác là 05 năm, bắt đầu từ ngày 01/02/2015 đến ngày 01/02/2020.

Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ góp vốn khi có Quyết định phân phối lợi nhuận hoặc Thông báo chia lợi nhuận từ Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang.

9- Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bình điện hạ thế (thuê 15 năm)	109.090.903	118.181.851
Công cụ dụng cụ khác	4.369.524	14.784.600
Cộng:	113.460.427	132.966.451

10- Phải trả người bán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP Cảng Vĩnh Long	-	102.222.500
Công ty CP Xây dựng 620 - Bình Minh	2.409.797.770	2.409.797.770
Công ty TNHH Tư vấn kiểm định xây dựng	-	10.600.000
Công ty CP Sevina	9.787.703.730	-
Công ty TNHH Sản xuất TM Hoàng Phát	-	1.357.500
Công ty TNHH TM và DV Vietfood	7.775.390.260	-
Đối tượng khác	119.098.953	-
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	20.091.990.713	2.523.977.770
Cộng:		

Chỉ tiêu	Giá trị	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số có	khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	20.091.990.713	20.091.990.713	20.091.990.713	2.523.977.770	2.523.977.770
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	0	0	0	0	0

11- Người mua trả tiền trước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Đức Thạnh	9.318.993	9.318.993
Cộng:	9.318.993	9.318.993

12- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
Thuế GTGT (*)	0	38.317.560.658	38.317.560.658	0
Thuế TNDN (**)	3.429.446.270	3.364.012.113	3.434.997.188	3.358.461.195
Thuế Môn bài	0	4.000.000	4.000.000	0
Thuế, phí khác (**)	0	78.177.002	0	78.177.002
Cộng:	3.429.446.270	41.763.749.773	41.756.557.846	3.436.638.197

(*) Số đã nộp là số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ.

(**) Số thuế TNDN phát sinh năm 2015: 3.210.183.483 đ, số thuế bị truy thu theo QĐ 1328/QĐ-CCT ngày 10/12/2015: 153.828630 đ.

(***) Là các khoản bị phạt theo Quyết định số 1328/QĐ-CCT ngày 10/12/2015 của Chi cục thuế quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. Công ty đã thực hiện nộp trong tháng 02 năm 2016.

13- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
BHXH, BHYT, KPCĐ	29.459.362	13.715.682
Bảo hiểm thất nghiệp	1.906.125	-
Cộng:	31.365.487	13.715.682

14- Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	1.000.000.000	(33.812.036)	966.187.964
Tăng vốn trong năm trước	-	99.000.000.000	-	99.000.000.000
Lãi (Lỗ) trong năm trước	-	-	12.210.782.330	12.210.782.330
Số dư cuối năm trước	-	100.000.000.000	12.176.970.294	112.176.970.294
Tăng vốn trong năm nay	1.831.617.349	100.000.000.000	-	101.831.617.349
Lãi (Lỗ) trong năm nay	-	-	15.491.077.376	15.491.077.376
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.520.311.467)	(2.520.311.467)
Số dư cuối năm nay	1.831.617.349	200.000.000.000	25.147.736.202	226.979.353.551

(*) Giảm khác do trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và hạch toán các khoản bị phạt và truy thu về thuế theo Quyết định của Chi cục thuế quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Hoàng Thị Thúy Hà	5.200.000.000	10.000.000.000
Lê Thiên Thạch	5.400.000.000	60.000.000.000
Lê Thị Kim Trinh	5.200.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Thị Lệ Hằng	5.200.000.000	10.000.000.000
Trần Ngọc Bửu Trân	5.200.000.000	10.000.000.000
Công ty CP SX XNK NHP	8.000.000.000	-
Các cổ đông khác	165.800.000.000	-
Cộng:	<u>200.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	1.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	100.000.000.000	99.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d- Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phiếu.

e- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế	15.491.077.376	12.210.782.871
Điều chỉnh giảm cho các quỹ	-	(2.442.156.465)
LN phân bổ cho cổ đông	15.491.077.376	9.768.626.406
Số bình quân gia quyền cp lưu hành	18.333.333	925.000
Lãi cơ bản	845	10.561

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

15- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	383.175.606.582	298.599.081.193
Trong đó giao dịch với bên liên quan	-	-
- Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang	276.599.475.272	298.002.855.855
Cộng:	383.175.606.582	298.599.081.193
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	383.175.606.582	298.599.081.193

16- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	367.872.201.564	282.229.942.567
Cộng:	367.872.201.564	282.229.942.567

17- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.102.495	3.058.368
Lợi nhuận được chia	4.750.000.000	-
Cộng:	4.752.102.495	3.058.368

18- Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	-	9.036.719
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng:	-	9.036.719

19- Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý xe ô tô	-	459.716.639
Điều chỉnh công nợ	1.357.501	
Cộng:	1.357.501	459.716.639
20- Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của xe ô tô	-	729.716.611
Điều chỉnh công nợ	3.681.223	
Các khoản bị phạt, lãi chậm trả	386.876.804	-
Cộng:	390.558.027	729.716.611
21- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán	18.855.089.489	15.642.692.050
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	(4.263.346.386)	(43.102.416)
- Chuyển lỗ	-	(43.102.416)
- Chi phí không hợp lý	486.653.614	
- Lợi nhuận được chia	(4.750.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế	14.591.743.103	15.599.589.634
Chi phí thuế TNDN (22%)	3.210.183.483	3.431.909.719
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	153.828.630	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.364.012.113	3.431.909.719

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Chính sách quản lý rủi ro

Công ty thực hiện việc quản lý rủi ro như sau:

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm: Vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số dư ngày 31/12/2015 (VND)

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.980.249.222	9.980.249.222
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
- Phải thu khách hàng	52.849.373.748	52.849.373.748
- Trả trước cho người bán	25.061.473.050	25.061.473.050
- Phải thu khác	15.450.000.000	15.450.000.000

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2015 (VND)

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán	20.091.990.713	20.091.990.713
Người mua trả tiền trước	9.318.993	9.318.993
Thuế phải nộp	3.436.638.197	3.436.638.197
Các khoản phải trả khác	31.365.487	31.365.487

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa, rủi ro thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến:

Tại 31/12/2015	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	-	-	-
Phải trả người bán	20.091.990.713	-	20.091.990.713
Người mua trả tiền trước	9.318.993	-	9.318.993
Thuế phải nộp	3.436.638.197	-	3.436.638.197
Các khoản phải trả khác	31.365.487	-	31.365.487
	23.569.313.390	-	23.569.313.390

Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay dưới hình thức thế chấp tài sản.

2- Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K. Số dư này được phân loại lại theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để đảm bảo tính so sánh.

3- Thông tin hoạt động liên tục

Công ty không có bất cứ kế hoạch nào nhằm thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như không có sự kiện nào phát sinh trong năm và sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4- Giao dịch với bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Giao dịch chuyển nhượng vốn

Ông Lê Thiên Thạch	Thành viên HĐQT	Mua lại phần vốn góp của Công ty Phúc Quang - Hồng Anh	53.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	Mua lại phần vốn góp của Công ty Phúc Quang - Hồng Anh	12.000.000.000

Giao dịch góp vốn

Ông Trần Ngọc Bửu Trân	Chủ tịch HĐQT	Góp vốn	10.000.000.000
Ông Lê Thiên Thạch	Thành viên HĐQT	Góp vốn	60.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	Góp vốn	10.000.000.000
Bà Hoàng Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT	Góp vốn	10.000.000.000
Bà Lê Thị Kim Trinh	Thành viên HĐQT	Góp vốn	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒNSố 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu B 09 - DN**(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BCT
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**Giao dịch mua bán hàng hóa và giao dịch khác**

Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang (*)	Công ty liên kết	Bán hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT)	304.259.422.799
Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang	Công ty liên kết	Góp vốn Dự án xay xát lúa và xử lý cám gạo tại Bắc Ninh	20.000.000.000
Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	4.750.000.000
Ông Lê Thiên Thạch	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	11.200.000.000

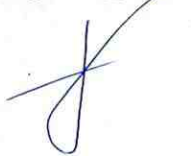
(*) Trong năm, giá bán dầu thực vật các loại cho Công ty Phúc Anh - Hồng Quang thấp hơn 20%-40% so với giá bán với các bên không liên quan là do Công ty không mất chi phí nhân công trong các giao dịch bán hàng, mọi chi phí nhân công, văn phòng ... phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng đều do phía Công ty Phúc Anh - Hồng Quang chịu trách nhiệm. Do đó, nếu cộng các chi phí này vào với giá bán đã giao dịch thì giá bán cho Công ty Phúc Anh - Hồng Quang sẽ tương đồng với giá bán cho các công ty khác không phải là bên liên quan tại cùng một thời điểm.

Số dư với bên liên quan

<i>Phải thu bên liên quan</i>		Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang	Tiền bán hàng hóa	16.156.427.727	6.564.897.319
Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang	Lợi nhuận được chia	4.250.000.000	0
Ông Lê Thiên Thạch	Tạm ứng	11.200.000.000	0

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--- o0o ---

Số : ~~044~~/2016/CV/SGO

TP Hồ Chí Minh, Q.4 ngày tháng Q.4 năm 2016

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận của

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn (SGO) xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 trong Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán, Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn xin được giải trình biến động tăng lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm 2014 như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2014: 12.210.782.871 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2015: 15.491.077.376 đồng

Chênh lệch Lợi nhuận sau thuế năm 2015 so với năm 2014: 3.280.294.505 đồng

Tỷ lệ tăng: 26,86%

Nguyên nhân tăng:

Năm 2015, Công ty tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, bên cạnh hoạt động thương mại nguyên vật liệu dầu thực vật, Công ty tiếp tục đầu tư vào Công ty TNHH Phúc Quang – Hồng Anh, và hoạt động đầu tư này đã đem về một khoản lợi nhuận 4,75 tỷ cho Công ty, chính điều này làm cho doanh thu hoạt động tài chính tăng, lợi nhuận tăng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

Người đại diện theo Pháp luật



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Bình Trần